

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HSST

Ngày: 23/3/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Nguyễn Khánh Xuân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lương Công Tiên**

2. Ông **Trương Văn Rua**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hồng Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Bảo Quốc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/01/1990, tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: khu vực T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn 02/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (còn sống) và bà Nguyễn Thị U (còn sống); Anh, chị, em ruột: có 02 người, sinh năm 1998 và 1992; Vợ: Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1989; Con: 02 người: sinh năm 2008 và 2016;

Tiền án: 01 lần, ngày 15/3/2017 bị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/5/2017.

Tiền sự: chưa;

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Bến Giá- Bộ công an, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Thu K, sinh ngày 25/3/1989, tại Cần Thơ; Nơi cư trú: khu vực T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn P (còn sống) và bà Nguyễn Thị Hồng V (còn sống); Anh, chị, em ruột: có 03 người, lớn sinh năm 1971, nhỏ sinh năm 1983; Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; Con: 02 người: sinh năm 2008 và 2016;

Tiền án, tiền sự: chưa

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Văn T rủ vợ là Nguyễn Thị Thu K đi tìm tài sản để trộm cắp lấy tiền trả nợ và tiêu xài thì K đồng ý. Khoảng 16 giờ ngày 23/4/2019 T mang theo một cây đoản để mở khóa rồi điều khiển xe Exiter biển kiểm soát 65B2- 292.38 chở K đến trường mầm non L thuộc phường L, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ để tìm tài sản. Khi đến nơi T phát hiện xe Wave màu trắng- bạc – đen biển kiểm soát 83P1-958.92 của anh Nguyễn Chí T đang đậu tại sân trường không có người trông coi nên T quay đầu xe ra và dừng xe lại ở cạnh xe này. K điều khiển xe Exiter biển kiểm soát 65B2- 292.38 đi trước, T dùng đoản mở khóa xe của anh T và lên xe tẩu thoát. Sau khi lấy được xe, T đem về cất giữ đến sáng hôm sau mang lên thành phố Hồ Chí Minh bán được 7.000.000đồng. T đưa cho K 2.000.000đồng, số tiền còn lại T trả nợ và tiêu xài cá nhân. Đến ngày 15/8/2019 T bị công an thành phố Trà Vinh bắt quả tang về hành vi trộm cắp tài sản.

Căn cứ kết luận định giá số 57/BKL-HĐĐG ngày 05/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Bình Thủy kết luận: 01 xe hiệu Wave màu trắng- bạc – đen, biển kiểm soát 83P1-958.92 có giá trị còn lại là 7.500.000đồng.

Qua làm việc Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Thu K thừa nhận hành vi phạm tội của mình và phù hợp với các chứng cứ thu giữ được.

Nguyễn Thị Thu K đã giao nộp tại cơ quan cảnh sát điều tra công an quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ số tiền 8.000.000đồng để bồi thường giá trị xe biển kiểm soát 83P1-958.92 theo yêu cầu của người bị hại.

Đối với xe biển kiểm soát 83P1-958.92 do chị Trần Thị Ngọc X đứng tên chủ sở hữu, X đã bán xe này cho anh Nguyễn Chí T. Sau khi T lấy trộm xe này đã đem bán ở thành phố Hồ Chí Minh nên không thu hồi được. Đối với xe Exiter biển kiểm soát 65B2- 292.38 mà T và K sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản hiện đã bán lại cho nhiều người nên không thu giữ được.

Bản cáo trạng số 02/CT- VKSBT ngày 17/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy truy tố Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Thu K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra và kết quả kiểm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa hôm nay thông qua việc xét hỏi các bị cáo đủ cơ sở xác định vào ngày 23/4/2019 các bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản là xe mô tô của anh T. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên truy tố theo tội danh và điều khoản luật đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Thu K phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm hình sự:

Đối với Nguyễn Văn T: áp dụng quy định tại Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Nguyễn Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với bản án số 63/2019/HSST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và bản án số 44/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Đối với Nguyễn Thị Thu K: áp dụng quy định tại Điều 17; Điều 38; điểm b, s, i khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Nguyễn Thị Thu K từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và người bị hại.

Anh Nguyễn Chí T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị xe theo kết quả định giá là 7.500.000đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: các bị cáo đều thừa nhận hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo K xin được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bình Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng: căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác định bị cáo T là người không có nghề nghiệp ổn định, và để thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên bị cáo rủ bị cáo K đi tìm tài sản trộm cắp để lấy tiền tiêu xài, hành vi của các bị cáo là lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, các bị cáo đã lén lút lấy trộm xe mô tô có giá trị là 7.500.000đồng. Đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Chí T. Với thủ đoạn và hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, vì thế cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Ý thức phạm tội của bị cáo là cố ý nên có cơ sở xác định đồng phạm trong vụ án, tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn. Chính các bị cáo hiểu rõ nhất về hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, đặc biệt là xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Tuổi đời các bị cáo còn trẻ, có sức khỏe, không chăm lo lao động bằng công sức của mình mà chỉ muốn hưởng thụ, do đó cần có hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo và ngăn ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét về vai trò và mức độ tham gia của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo T là người rủ rê, chở bị cáo K đi tìm tài sản trộm cắp, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài

sản và đem bán tài sản trộm được tại thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo K là người giúp sức tích cực cho bị cáo T sau khi trộm được tài sản. Do đó hình phạt đối với bị cáo T cao hơn bị cáo K.

[5] Về nhân thân: bị cáo Nguyễn Văn T có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Ngày 08/11/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Ngày 28/11/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: tại phiên toà hôm nay cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo Nguyễn Văn T có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Chí T đồng ý nhận tiền bồi thường của các bị cáo là 7.500.000đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Thu K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Văn T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với bản án số 63/2019/HSST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và bản án số 44/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 13/8/2019.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Thị Thu K** 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa anh Nguyễn Chí T với các bị cáo như sau: bị cáo T và K bồi thường cho anh Nguyễn Chí T 7.500.000đồng (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Bị cáo K đã nộp 8.000.000đồng nên được nhận lại 500.000đồng.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND Q. Bình Thủy
- NTG-CAQ.Bình Thủy
- Thi hành án Q. Bình Thủy
- Bị cáo,
- Lưu hồ sơ

Đặng Nguyễn Khánh Xuân